

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số /QĐ-HVCSPT ngày tháng năm 2024
của Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển)

NGÀNH ĐÀO TẠO : Kinh tế số

MÃ SỐ : 7310109

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO : Đại học

CHUYÊN NGÀNH : Kinh tế và Kinh doanh số

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân Kinh tế và Kinh doanh số có kiến thức cơ bản về kinh tế, kinh doanh và công nghệ thông tin; có thể sử dụng thành thạo công cụ về phân tích dữ liệu BI để giải quyết các vấn đề trong kinh tế và kinh doanh, nắm bắt được xu hướng chuyển đổi mô hình kinh doanh của doanh nghiệp trong thời đại số; có tư duy nghiên cứu độc lập; có năng lực đổi mới sáng tạo để thích nghi với sự thay đổi của môi trường làm việc và khả năng khởi nghiệp kinh doanh.

Chương trình đào tạo cũng góp phần giúp học viên nâng cao phẩm chất chính trị, tinh thần vì cộng đồng xã hội, tuân thủ pháp luật, có đạo đức nghề nghiệp và khát vọng học tập suốt đời.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Việc đào tạo cử nhân chuyên ngành Kinh tế và Kinh doanh số tại Học viện Chính sách và Phát triển sẽ hướng đến các mục tiêu sau:

PO 1: Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về kinh tế - xã hội, quản trị, quản lý, dữ liệu lớn, công nghệ thông tin, nắm bắt được xu hướng chuyển đổi số của các tổ chức và doanh nghiệp trong thời đại số. Có sức khỏe tốt và có trách nhiệm xã hội.

PO 2: Cung cấp cho người học những kiến thức chuyên sâu về kinh doanh và thương mại dựa trên nền tảng số; marketing số, công nghệ tài chính, an toàn và bảo mật dữ liệu, mạng máy tính và truyền thông số.

PO 3: Đào tạo cho người học có sự hiểu biết về các phần mềm trên nền tảng điện toán đám mây (cloud computing) để phát triển kinh doanh nhằm nâng cao sức cạnh tranh của doanh nghiệp, có tư duy khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo.

PO 4: Đào tạo cho người học có kỹ năng nghiên cứu khoa học, đọc hiểu và giao tiếp cơ bản bằng tiếng Anh, kỹ năng quản lý thời gian hiệu quả và làm việc nhóm; có khả năng năng hoạch định và đề xuất các giải pháp kinh doanh phù hợp cho tổ chức, doanh nghiệp.

PO 5: Đào tạo cho người học có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp cần thiết của một nhà kinh tế có bản lĩnh nghề nghiệp và thái độ trung thực, có trách nhiệm trong công việc và tinh thần làm việc vì sự phát triển của nhân loại.

1.3. Trình độ ngoại ngữ và tin học

- Đạt trình độ về ngoại ngữ: Theo chuẩn đầu ra của Học viện Chính sách và Phát triển. Sử dụng tốt tiếng Anh với những kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trong nghiên cứu, giao tiếp và soạn thảo báo cáo phân tích.

- Đạt trình độ tin học: Chứng chỉ tin học quốc tế IC3 (Internet and Computing Core Certification), ICDL (International Computer Driving Licence) hoặc MOS (Microsoft Office Specialist), sử dụng tin học một cách hiệu quả để truyền đạt thông tin và giải quyết vấn đề trong thực tiễn.

1.4. Vị trí việc làm và khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra tốt nghiệp

1.4.1. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Cử nhân Ngành Kinh tế số, chuyên ngành Kinh tế và Kinh doanh số khi ra trường có thể hoàn toàn tự tin làm việc được trong cả khu vực Nhà nước và khu vực kinh tế tư nhân tại các vị trí như:

Tổ chức/ Doanh nghiệp	Vị trí việc làm	Mô tả công việc
Các cơ quan Nhà nước thuộc Bộ, Ban, Ngành từ Trung ương tới Địa phương	<i>- Khi mới tốt nghiệp:</i> + Nhân viên quản trị website; quản trị hoạt động truyền thông của cơ quan, đơn vị. + Nhân viên triển khai các hoạt động chuyển đổi số, phát triển kinh tế số theo dự án được phê duyệt.	+ Thực hiện các hoạt động quản trị web, quản trị hệ thống mạng nội bộ hay Fanpage, diễn đàn của các đơn vị/tổ chức của Nhà nước + Thiệt hiện cài đặt phần mềm, số hóa tài liệu, thiết lập hệ thống lưu trữ dữ liệu và quản lý người dùng trong các đơn vị/tổ chức của Nhà nước
	<i>- Khi có khoảng 10 năm kinh nghiệm:</i> + Chuyên gia lập dự án và lập kế hoạch về chuyển đổi số, an toàn và bảo mật cho các dự án/đề án phát triển kinh tế - xã hội + Chuyên gia quản trị hệ thống thông tin, truyền thông của cơ quan	+ Nghiên cứu các xu thế mới về công nghệ, dịch vụ, sản phẩm theo tầm nhìn của tổ chức. + Xây dựng và quản trị chiến lược chuyển đổi số, chiến lược CNTT, chiến lược sản phẩm dịch vụ của cơ quan/tổ chức. + Xây dựng và quản trị KPI cho từng cơ quan/đơn vị. + Nghiên cứu xu thế công nghệ, sản phẩm dịch vụ mới; xây dựng roadmap và quản lý danh mục sản phẩm dịch vụ mới cho tổ chức. + Tư vấn các tiêu chuẩn, quy chuẩn công nghệ mới cho các tổ chức hay đơn vị để vận hành hiệu quả nhất. + Quản lý, vận hành sàn thương mại điện tử (quản lý đơn hàng, thanh toán đơn hàng, hàng đi và hàng bị trả lại, hàng tồn). + Quản lý kênh bán, giá bán, lợi nhuận của các nhóm sản phẩm hóa phẩm gia dụng, hàng tiêu dùng.

Các doanh nghiệp/ tổ chức kinh doanh thương mại điện tử hay các loại hình doanh nghiệp khác như Ngân hàng, công ty chứng khoán, công ty công nghệ,...	- <i>Khi mới tốt nghiệp:</i> + Chuyên viên triển khai các giải pháp thương mại điện tử, giải pháp kinh doanh trên nền tảng số; + Chuyên viên truyền thông và quản trị kênh truyền thông cho doanh nghiệp; + Chuyên viên quản trị, vận hành website của công ty;	+ Tư vấn cho khách hàng, nhận phản hồi từ khách hàng và đưa ra giải pháp chăm sóc khách hàng. + Đăng sản phẩm theo nội dung có sẵn hoặc tự xây dựng nội dung trên các Fanpage/Website của doanh nghiệp. + Livestream bán hàng theo kịch bản và chương trình có sẵn trên các nền tảng mạng xã hội khi cần (Facebook, Tiktok, Youtube,...) + Triển khai và theo dõi quảng cáo sản phẩm, dịch vụ của Công ty trên các kênh Online như Google, Facebook, Zalo, Tiktok,... + Báo cáo, thống kê số liệu bán hàng, thực hiện đối soát doanh thu bán hàng các kênh.
	- <i>Khi có 10 năm kinh nghiệm</i> + Chuyên gia quản lý thương mại, quản lý hệ thống kinh doanh trực tuyến, quản lý kênh phân phối cho các doanh nghiệp sản xuất, tập đoàn kinh tế, công ty thương mại - dịch vụ,... + Chuyên gia tư vấn các giải pháp chuyển đổi số, quản trị số cho doanh nghiệp và các tổ chức khi có nhu cầu	+ Điều phối, phối hợp với các bộ phận, phòng ban khác để phát triển các kênh quảng cáo mới trên nền tảng số, đảm bảo hiệu quả công việc. + Nghiên cứu xu hướng chuyển đổi kinh doanh, xu hướng công nghệ và các giải pháp phát triển sản phẩm dịch vụ của doanh nghiệp. + Thực hiện các nghiệp vụ tư vấn triển khai các giải pháp chuyển đổi số, quản trị số cho các tổ chức và doanh nghiệp.
Đại học/Viện nghiên cứu	Giảng viên, Nghiên cứu viên	Nghiên cứu và giảng dạy các môn học về Kinh tế số, Kinh doanh số, Thương mại điện tử, chuyển đổi số, Các mô hình kinh doanh số,...
Hoạt động tự doanh và khởi nghiệp kinh doanh	Giám đốc/Chủ tịch công ty /Thành viên sáng lập/Chủ cơ sở kinh doanh gia đình,...	+ Xây dựng và mô tả cơ cấu tổ chức công ty, chức năng nhiệm vụ từng phòng ban bộ phận + Xây dựng đội ngũ Marketing & bán hàng cho doanh nghiệp + Phát triển năng lực quản trị và kiến thức tài chính, kinh doanh trong môi trường số. + Tìm hiểu các vấn đề về pháp lý kinh doanh + Nghiên cứu lộ trình triển khai chuyển đổi số phù hợp với bối cảnh doanh nghiệp

1.4.2. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra tốt nghiệp

- Có đủ điều kiện và khả năng tự nghiên cứu, phát triển trình độ kiến thức và tham gia đào tạo ở bậc sau đại học trong và ngoài nước.

- Bảo đảm việc liên thông khối kiến thức ngành Kinh tế hoặc ngành Thương mại điện tử, Hệ thống thông tin kinh tế với các cơ sở đào tạo khác ở Việt Nam và quốc tế.

- Độc lập thực hiện các công trình nghiên cứu khoa học, sản phẩm liên quan đến kinh tế số, kinh doanh số, chuyển đổi số.

2. Chuẩn đầu ra

2.1. Các chuẩn đầu ra của CTĐT

A. Chuẩn đầu ra về kiến thức

A.1. Chuẩn đầu ra chung của ngành Kinh tế số

PLO 1.1. Nắm vững được phương pháp luận của chủ nghĩa Mác – Lê nin; hiểu về thể chế nhà nước, quy trình và tác động của chính sách, vận dụng vào giải quyết vấn đề thực tiễn trong quá trình phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

PLO 1.2. Hiểu và vận dụng tốt các quy luật của kinh tế thị trường, ứng dụng công cụ toán, thống kê và kinh tế lượng vào thực tiễn để giải quyết vấn đề kinh tế - xã hội, đưa ra các quyết định kinh doanh thích ứng với sự thay đổi, phát triển của kinh tế thế giới.

PLO 1.3. Hiểu về dữ liệu và quản trị dữ liệu trong các tổ chức và doanh nghiệp. Thành thạo một số công cụ BI cho phân tích trực quan hóa dữ liệu của các tổ chức và doanh nghiệp.

PLO 1.4. Hiểu về các nghiệp vụ liên quan đến kinh tế và kinh doanh trong môi trường toàn cầu hóa và các nền tảng công nghệ hỗ trợ cho hoạt động kinh doanh trong bối cảnh của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0;

A.2. Chuẩn đầu ra riêng của chuyên ngành

PLO 1.5. Có tư duy lập trình và sử dụng tốt các công cụ để có thể thiết kế, vận hành, quản trị và tư vấn về website thương mại điện tử.

PLO 1.6. Có sự hiểu biết về các mô hình kinh doanh số, hệ sinh thái kinh tế số để tư vấn, triển khai chuyển đổi số nhằm tối ưu hóa các hoạt động của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp; biết cách ứng dụng công nghệ để thúc đẩy các hoạt động bán hàng và marketing của doanh nghiệp trong môi trường số.

B. Chuẩn đầu ra về kỹ năng

B.1. Kỹ năng nghề nghiệp

PLO 2.1. Có tư duy linh hoạt, nhạy bén, am hiểu pháp luật và sáng tạo trong các giải pháp để xây dựng, tư vấn thực hiện chiến lược, kế hoạch kinh doanh của tổ chức và doanh nghiệp.

PLO 2.2. Biết chụp ảnh, biên tập nội dung, quản trị website, fanpage để tổ chức sự kiện truyền thông cho các tổ chức và doanh nghiệp.

B.2. Kỹ năng mềm

PLO 2.3. Năng lực ngoại ngữ đạt bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam và ứng dụng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc.

PLO 2.4. Có khả năng làm việc độc lập cũng như làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình trước đám đông để tổ chức và điều hành công việc.

C. Chuẩn đầu ra về năng lực tự chủ và trách nhiệm

PLO 3.1. Thái độ; tác phong làm việc chuyên nghiệp và khả năng học tập suốt đời để phát triển năng lực cá nhân.

PLO 3.2. Có năng lực dẫn dắt chuyên môn, thích nghi với môi trường làm việc có tính cạnh tranh cao; có khả năng đưa ra được kết luận về lĩnh vực kinh tế, kinh doanh số ở mức độ căn bản và một số vấn đề mức độ chuyên sâu; đủ năng lực để trở thành nhà quản lý, lãnh đạo của một tổ chức.

2.2. Tiêu chí đánh giá (Ma trận PI)

Chuẩn đầu ra của CTĐT	Mã PI	Nội dung tiêu chí đánh giá
PLO 1.1. Nắm vững được phương pháp luận của chủ nghĩa Mác – Lê nin, hiểu về thể chế nhà nước, quy trình và tác động của chính sách, vận dụng vào giải quyết vấn đề thực tiễn trong quá trình phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.	PI 1.1.1	Trình bày được phương pháp luận, tri thức khoa học của chủ nghĩa Mác- Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, vận dụng vào giải quyết các vấn đề thực tiễn
	PI 1.1.2	Hiểu về thể chế Nhà nước, trình bày được quy trình xây dựng và thực thi chính sách trong lĩnh vực kinh tế và kinh doanh; phân tích được tình huống tác động của chính sách tới tình hình kinh tế - xã hội tại Việt Nam.
PLO 1.2. Hiểu và vận dụng tốt các quy luật của kinh tế thị trường, ứng dụng công cụ toán, thống kê và kinh tế học vào thực tiễn để giải quyết vấn đề kinh tế - xã hội, đưa ra các quyết định kinh doanh thích ứng với sự thay đổi, phát triển của kinh tế thế giới.	PI 1.2.1	Nắm vững kiến thức toán, thống kê, phương pháp nghiên cứu, vận dụng vào giải bài toán kinh tế, tìm điểm tối ưu trong kinh doanh.
	PI 1.2.2	Nắm vững nguyên lý của kinh tế học, lý thuyết về kinh tế thị trường, vận dụng vào giải quyết các vấn đề thực tiễn. Phân tích, bình luận được các tình huống kinh tế - xã hội.
PLO 1.3. Hiểu về dữ liệu và quản trị dữ liệu trong các tổ chức và doanh nghiệp. Thành thạo một số công cụ BI cho phân tích trực quan hóa dữ liệu của các tổ chức và doanh nghiệp.	PI 1.3.1	Nắm vững cách triển khai và quản trị hệ thống cơ sở dữ liệu có cấu trúc SQL để giải quyết các bài toán dữ liệu cho các tổ chức và doanh nghiệp.
	PI 1.3.2	Sử dụng thành thạo Power BI hoặc Tableau để trực quan hóa và phân tích dữ liệu cho các tổ chức, doanh nghiệp.
PLO 1.4. Hiểu về các nghiệp vụ liên quan đến kinh tế và kinh doanh trong môi trường toàn cầu hóa và các nền tảng công nghệ hỗ trợ cho hoạt động kinh doanh trong bối cảnh của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0	PI 1.4.1	Hiểu được quá trình hình thành và nền tảng cho kinh tế số của mỗi quốc gia; các khái niệm cơ bản về kinh tế số, tầm quan trọng của công nghệ thông tin và truyền thông trong nền kinh tế số.
	PI 1.4.2	Phân tích được quá trình xây dựng và triển khai kế hoạch marketing cho các tổ chức, doanh nghiệp trên các nền tảng số.
	PI 1.4.3	Nhận thức được sâu sắc vai trò của công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI) và phân tích dữ liệu lớn (big data) đến hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp hiện nay.
PLO 1.5. Có tư duy lập trình và sử dụng tốt các công cụ để có thể thiết kế, vận hành, quản trị và tư vấn về website thương mại điện tử.	PI 1.5.1	Hiểu rõ các vấn đề cơ bản của lập trình, bao gồm: thuật toán, chương trình và ngôn ngữ lập trình, các cấu trúc trong lập trình (tuần tự, rẽ nhánh, lặp)
	PI 1.5.2	Sử dụng mã nguồn Wordpress hay plugin WooCommerce để xây dựng website thương mại điện tử.
	PI 1.5.3	Nắm vững kiến thức về thương mại điện tử, xác định các cơ hội của thương mại điện tử cũng như một số mô hình kinh doanh thương mại điện tử phổ biến.

PLO 1.6. Có sự hiểu biết về các mô hình kinh doanh số, hệ sinh thái kinh tế số để tư vấn, triển khai chuyển đổi số nhằm tối ưu hóa các hoạt động của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp; biết cách ứng dụng công nghệ để thúc đẩy các hoạt động bán hàng và marketing của doanh nghiệp trong môi trường số.	PI 1.6.1	Hiểu môi trường kinh doanh, những tố chất và kỹ năng cần có của một người khởi nghiệp để tìm ra các ý tưởng cũng như cơ hội kinh doanh trong môi trường số.
	PI 1.6.2	Phân tích được các công cụ digital marketing như: SEM, SMM, Email marketing, Mobile marketing,...
	PI 1.6.3	Có khả năng xây dựng tầm nhìn, dẫn dắt công cuộc số hóa trong các tổ chức và doanh nghiệp, kết nối khối công nghệ với khối kinh doanh, quản trị các hoạt động chuyển đổi số.
PLO 2.1. Có tư duy linh hoạt, nhạy bén, am hiểu pháp luật và sáng tạo trong các giải pháp để xây dựng, tư vấn thực hiện chiến lược, kế hoạch kinh doanh của tổ chức và doanh nghiệp.	PI 2.1.1	Biết cách sử dụng các phương pháp mô tả và đánh giá ý tưởng kinh doanh; có sự am hiểu nhất định về các thành tố của hệ sinh thái khởi nghiệp, các giai đoạn của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo và các hình thức hỗ trợ khởi nghiệp.
	PI 2.1.2	Áp dụng linh hoạt kiến thức pháp luật trong lĩnh vực kinh tế và kinh doanh, có tư duy sáng tạo trong công việc và thực tiễn cuộc sống.
PLO 2.2. Biết chụp ảnh, biên tập nội dung, quản trị fanpage để tổ chức sự kiện truyền thông cho các tổ chức và doanh nghiệp	PI 2.2.1	Nắm vững các kỹ xảo chụp ảnh, công cụ thiết kế đồ họa căn bản, biên tập audio/video cho các sự kiện của tổ chức và doanh nghiệp.
	PI 2.2.2	Sử dụng thành thạo các mạng xã hội và truyền hình tương tác (livestream) trên mạng xã hội nhằm quảng bá một sự kiện của tổ chức/doanh nghiệp.
PLO 2.3. Năng lực ngoại ngữ đạt bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam và ứng dụng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc.	PI 2.3.1	Có khả năng nghe, nói, đọc, viết Tiếng Anh trình độ tương đương bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam đáp ứng yêu cầu công việc.
	PI 2.3.2	Sử dụng tin học một cách hiệu quả để truyền đạt thông tin và giải quyết vấn đề trong thực tiễn.
PLO 2.4. Có khả năng làm việc độc lập cũng như làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình trước đám đông để tổ chức và điều hành công việc.	PI 2.4.1	Có khả năng nghiên cứu khoa học: hình thành được ý tưởng, vấn đề, mục tiêu, câu hỏi và giả thuyết; hình thức và cấu trúc đề cương của một đề tài nghiên cứu
	PI 2.4.2	Biết cách làm việc nhóm và thuyết trình trước đám đông để tổ chức và điều hành công việc.
PLO 3.1. Thái độ; tác phong làm việc chuyên nghiệp và khả năng học tập suốt đời để phát triển năng lực cá nhân.	PI 3.1.1	Có phẩm chất chính trị, sức khỏe tốt, lối sống lành mạnh, có trách nhiệm xã hội, tuân thủ các quy tắc của tổ chức và đạo đức nghề nghiệp.
	PI 3.1.2	Tác phong làm việc chuyên nghiệp và khả năng học tập suốt đời để phát triển năng lực cá nhân.

PLO 3.2. Có năng lực dẫn dắt chuyên môn, thích nghi với môi trường làm việc có tính cạnh tranh cao; có khả năng đưa ra được kết luận về lĩnh vực kinh tế, kinh doanh số ở mức độ căn bản và một số vấn đề mức độ chuyên sâu; đủ năng lực để trở thành nhà quản lý, lãnh đạo của một tổ chức.	PI 3.2.1	Chủ động và tự giác thực thi nhiệm vụ được giao phó, tinh thần tự chịu trách nhiệm, thái độ hợp tác và sẵn sàng giúp đỡ các thành viên trong tập thể.
	PI 3.2.2	Biết cách sử dụng các công cụ quản lý để từ đó có thể quyết định quản lý và có tư duy lãnh đạo tổ chức.

3. Ma trận liên kết giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Ký hiệu CDR	CDR của chương trình đào tạo	Mục tiêu của chương trình đào tạo				
		PO 1	PO 2	PO 3	PO 4	PO 5
PLO 1.1	Nắm vững được phương pháp luận của chủ nghĩa Mác – Lê nin; hiểu về thể chế nhà nước, quy trình và tác động của chính sách, vận dụng vào giải quyết vấn đề thực tiễn trong quá trình phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.					X
PLO 1.2	Hiểu và vận dụng tốt các quy luật của kinh tế thị trường, ứng dụng công cụ toán, thống kê và kinh tế học vào thực tiễn để giải quyết vấn đề kinh tế - xã hội, đưa ra các quyết định kinh doanh thích ứng với sự thay đổi, phát triển của kinh tế thế giới.	X				X
PLO 1.3	Hiểu về dữ liệu và quản trị dữ liệu trong các tổ chức và doanh nghiệp; thành thạo một số công cụ BI cho phân tích trực quan hóa dữ liệu của các tổ chức và doanh nghiệp.	X		X		
PLO 1.4	Hiểu về các nghiệp vụ liên quan đến kinh tế và kinh doanh trong môi trường toàn cầu hóa và các nền tảng công nghệ hỗ trợ cho hoạt động kinh doanh trong bối cảnh của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.		X	X		
PLO 1.5	Có tư duy lập trình và sử dụng tốt các công cụ để có thể thiết kế, vận hành, quản trị và tư vấn về website thương mại điện tử.	X	X	X		
PLO 1.6	Có sự hiểu biết về các mô hình kinh doanh số, hệ sinh thái kinh tế số để tư vấn, triển khai chuyển đổi số nhằm tối ưu hóa các hoạt động của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp; biết cách ứng dụng công nghệ để thúc đẩy các hoạt động bán hàng và marketing của doanh nghiệp trong môi trường số.	X	X		X	
PLO 2.1	Có tư duy linh hoạt, nhạy bén, am hiểu pháp luật và sáng tạo trong các giải pháp để xây dựng, tư vấn thực hiện chiến lược, kế hoạch kinh doanh của tổ chức và doanh nghiệp.		X	X		
PLO 2.2	Biết chụp ảnh, biên tập nội dung, quản trị fanpage để tổ chức sự kiện truyền thông cho các tổ chức và doanh nghiệp.		X			
PLO 2.3	Năng lực ngoại ngữ đạt bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam và ứng dụng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc.				X	
PLO 2.4	Có khả năng làm việc độc lập cũng như làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình trước đám đông để tổ chức và điều hành công việc.				X	X

PLO 3.1	Thái độ; tác phong làm việc chuyên nghiệp và khả năng học tập suốt đời để phát triển năng lực cá nhân					X
PLO 3.2	Có năng lực dẫn dắt chuyên môn, thích nghi với môi trường làm việc có tính cạnh tranh cao; có khả năng đưa ra được kết luận về lĩnh vực kinh tế, kinh doanh số ở mức độ căn bản và một số vấn đề mức độ chuyên sâu; đủ năng lực để trở thành nhà quản lý, lãnh đạo của một tổ chức.	X			X	X

4. Ma trận đóng góp của học phần vào mức độ đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Chuẩn đầu ra CTĐT											
				PLO 1.1	PLO 1.2	PLO 1.3	PLO 1.4	PLO 1.5	PLO 1.6	PLO 2.1	PLO 2.2	PLO 2.3	PLO 2.4	PLO 3.1	PLO 3.2
1. Kiến thức giáo dục đại cương															
1	THML04	Triết học Mác – Lênin	3	3										x	
2	THCN06	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	3										x	
3	THKT05	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	3										x	
4	THTT02	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	3										x	
5	THLS07	Lịch sử ĐCS Việt Nam	2	3										x	
6	PPNC09	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3		3					x			x		
7	LUĐC01	Pháp luật đại cương	3	3								x		x	
8	TOĐC06	Tin học đại cương	3		3			3				x			
9	NNCS02	Tiếng Anh cơ bản 2	3									x			
10	NNCS03	Tiếng Anh cơ bản 3	3									x			
11	NNCS04	Tiếng Anh cơ bản 4	3									x			
12	KHMI01	Kinh tế vi mô 1	3		3			2							
13	KHMA02	Kinh tế vĩ mô 1	3		3			2							
14	TOCC01	Toán cao cấp	3		3			2							
15	TOLT07	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3		3			2							
16	NNCS01	Tiếng Anh cơ bản 1	3									x			
17	GDQP02	Giáo dục quốc phòng	8	3										x	
18	GDTC01	Giáo dục thể chất 1	2											x	
19	GDTC02	Giáo dục thể chất 2	2											x	
20	GDTC03	Giáo dục thể chất 3	2											x	

21	QTKN01	Phát triển kỹ năng	3							x			x		x
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp															
2.1. Kiến thức cơ sở ngành															
2.1.1. Cơ sở ngành bắt buộc															
22	KTKD01	Lập trình căn bản	3					4					x	x	
23	TOKT05	Kinh tế lượng	3		3								x	x	
24	TCTT23	Lý thuyết Tài chính tiền tệ	3		3		3								x
25	CSCS11	Chính sách công	3		3		2								x
26	TODL01	Dữ liệu lớn trong KT&KD	3		3	4	3								
26	KTKD03	Lý thuyết Kinh tế số	2		3		2		3						
27	KHMA04	Marketing căn bản	3		3		2		3						
2.1.2. Cơ sở ngành tự chọn															
28	TCKT01	Nguyên lý kế toán	3		3		3								x
29	QTHO06	Quản trị học	3		3		2								x
30	QTCC01	Quan hệ công chúng	3		3		2								x
31	KHĐT05	Kinh tế đầu tư	3		3		2								x
32	TONL08	Nguyên lý thống kê kinh tế	3		3		2								
33	ĐNTM08	Thương mại quốc tế	3		3		2								
34	ĐNQTT09	Kinh tế quốc tế	3												
2.2. Kiến thức ngành															
2.2.1. Ngành bắt buộc															
35	LUKT01	Pháp luật kinh tế	3	2	2					x					
36	QTMA09	Quản trị Marketing	3				3		4						
37	PTDL04	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	3			4	3								
38	TCDN03	Tài chính doanh nghiệp	3				3			x					x
39	QTKD14	Thương mại điện tử	3					4	3						x

40	QLCD01	Chuyên đề thực tế	2			3	3	3	4				x		x
2.2.2. Ngành tự chọn															
41	TCKH04	Kế toán tài chính	3				3			x					x
42	TCPT08	Phân tích báo cáo tài chính	3				3			x					x
43	TCCK25	Thị trường chứng khoán	3				3			x					x
44	QTKS07	Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	3						4	x			x		
45	KTKD02	Hệ thống thông tin quản lý	3				3	3	3						
46	KTKD07	Mạng máy tính và truyền thông số	3				3	3	3						
47	KTKD20	Phân tích dữ liệu marketing	3				3	3	3						
2.3. Kiến thức chuyên ngành															
2.3.1. Chuyên ngành bắt buộc															
48	KTKD04	Thiết kế website TMĐT	3					5	3						x
49	KTKD12	Truyền thông đa phương tiện	2							x	x		x		
50	QTDM01	Digital Marketing	3				4	3							x
51	LUKT18	Luật thương mại	3							x				x	x
52	KTKD06	Các mô hình kinh doanh số	3				3		5						x
2.3.2. Chuyên ngành tự chọn															
54	CSKH01	Khoa học quản lý	3							x					x
55	PTDL25	Trí tuệ nhân tạo và ứng dụng trong kinh doanh	3				3		3			x			
56	QTTT11	Nghiên cứu thị trường	3		3								x		
57	QTEO01	Quản trị tổ chức sự kiện	3								x		x		
58	QTCU04	Quản trị chuỗi cung ứng	3				3		3						x
59	KTKD05	Chuyển đổi số	3						4	x					x
60	KTKD07	An toàn và bảo mật thương mại điện tử	3					4	3						x
61	TCCN01	Công nghệ tài chính (Fintech)	3				3		3						x

2.4. Thực tập và khoá luận tốt nghiệp															
62	TTTN01	Thực tập tốt nghiệp	4			3	3	5	4	x			x		
63	KLTN01	Khóa luận tốt nghiệp (2 định hướng dành cho sinh viên)	6			3	3	5	5	x					x

Ghi chú: Các mức độ của thang Bloom

(1) Nhớ

(2) Hiểu

(3) Vận dụng

(4) Phân tích

(5) Đánh giá

(6) Sáng tạo

- 5. Thời gian đào tạo:** 3,5 - 4 năm
- 6. Khối lượng kiến thức toàn khóa:** 129 tín chỉ
- 7. Đối tượng tuyển sinh:** Theo quy chế hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo về tuyển sinh đại học hệ chính quy
- 8. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp:** Đào tạo theo hệ thống tín chỉ, tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định của Chương trình đào tạo và Quy chế đào tạo đại học hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Quy định của Học viện.
- 9. Thang điểm:** Thang điểm 10 kết hợp với thang điểm 4 và điểm chữ

10. Cấu trúc kiến thức của chương trình đào tạo

Nội dung	Khối lượng kiến thức (tín chỉ)	Số học phần	Tỷ lệ (%)
1. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG (không bao gồm GDTC&QP)	41	15	31.8%
2. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP	88	29	68.2%
2.1. Kiến thức cơ sở ngành	29	10	22.4%
2.1.1. Cơ sở ngành bắt buộc	20	7	15.5%
2.1.2. Cơ sở ngành tự chọn	9	3	6.9%
2.2. Kiến thức ngành	26	9	20.2%
2.2.1. Ngành bắt buộc	17	6	13.2%
2.2.2. Ngành tự chọn	9	3	6.9%
2.3. Kiến thức chuyên ngành	23	8	17.8%
2.3.1. Chuyên ngành bắt buộc	14	5	10.9%
2.3.2. Chuyên ngành tự chọn	9	3	6.9%
2.4. Thực tập và khóa luận tốt nghiệp	10	2	7.7%
TỔNG SỐ TÍN CHỈ (Không bao gồm GDTC & GDQP)	129	44	100%

11. Nội dung chương trình đào tạo

TT	Mã số	Tên học phần/ Môn học	Số tín chỉ	Học kỳ
1. Giáo dục đại cương			41	
1	THCN06	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	4
2	THKT05	Kinh tế Chính trị Mác - Lênin	2	2
3	KHMI01	Kinh tế vi mô 1	3	1
4	KHMA02	Kinh tế vĩ mô 1	3	2
5	THLD07	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	3

6	TOLT07	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	2
7	LUDC01	Pháp luật đại cương	3	1
8	PPNC01	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	2
9	TACB01	<i>Tiếng Anh cơ bản 1*</i>	3	1
10	TACB02	Tiếng Anh cơ bản 2	3	2
11	TACB03	Tiếng Anh cơ bản 3	3	3
12	TACB04	Tiếng Anh cơ bản 4	3	4
13	TOĐC06	Tin học đại cương	3	1
14	TOCC05	Toán cao cấp	3	1
15	THML04	Triết học Mác - Lênin	3	1
16	THTT02	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	1
17	QTKN01	<i>Phát triển kỹ năng*</i>	3	3
2. Giáo dục quốc phòng			8	
1	GDQP02	<i>Giáo dục quốc phòng*</i>	8	2
3. Giáo dục thể chất			6	
1	GDTC08	<i>Giáo dục thể chất 1*</i>	2	1
2	GDTC06	<i>Giáo dục thể chất 2*</i>	2	2
3	GDTC07	<i>Giáo dục thể chất 3*</i>	2	3
4. Cơ sở ngành (Bắt buộc)			20	
1	KTKD01	Lập trình căn bản	3	3
2	QTM02	Marketing căn bản	3	4
3	TOKT05	Kinh tế lượng	3	3
4	TODL01	Dữ liệu lớn trong kinh tế và kinh doanh	3	3
5	TCTT23	Lý thuyết Tài chính tiền tệ	3	3
6	KTKD03	Lý thuyết Kinh tế số	2	4
7	CSCS11	Chính sách công	3	3
5. Cơ sở ngành (Lựa chọn 3 môn theo khối kiến thức muốn học)			9	
1	QTHO06	Quản trị học	3	4
2	QTCC01	Quan hệ công chúng	3	5
3	TONL08	Nguyên lý thống kê kinh tế	3	4
4	KHĐT05	Kinh tế đầu tư	3	5
5	ĐNQT09	Kinh tế quốc tế	3	4
6	ĐNTM08	Thương mại quốc tế	3	5
7	TCKT01	Nguyên lý kế toán	3	3
6. Kiến thức Ngành (Bắt buộc)			17	
1	TCDN03	Tài chính doanh nghiệp	3	5
2	PTDL04	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	3	4
3	LUKT01	Pháp luật kinh tế	3	4
4	QTMA09	Quản trị Marketing	3	5
5	QTKD14	Thương mại điện tử	3	5

6	QLCD01	Chuyên đề thực tế	2	6
7. Kiến thức Ngành (Lựa chọn 3 môn theo khối kiến thức muốn học)			9	
1	TCCK25	Thị trường chứng khoán	3	5
2	KTKD20	Phân tích dữ liệu marketing	3	6
3	KTKD02	Hệ thống thông tin quản lý	3	5
4	QTKS07	Khởi nghiệp Đổi mới sáng tạo	3	7
5	TCPT08	Phân tích báo cáo tài chính	3	5
6	KTKD10	Mạng máy tính và truyền thông số	3	6
7	TCKH04	Kế toán tài chính	3	5
8. Chuyên ngành (Bắt buộc)			14	
1	KTKD04	Thiết kế website thương mại điện tử	3	5
2	KTKD12	Truyền thông đa phương tiện	2	6
3	LUKT18	Luật thương mại	3	6
4	QTDM01	Digital Marketing	3	6
5	KTKD06	Các mô hình kinh doanh số	3	7
9. Chuyên ngành (Lựa chọn 3 môn theo khối kiến thức muốn học)			9	
1	PTDL25	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong kinh doanh	3	6
2	CSKH01	Khoa học quản lý	3	6
3	QTTT11	Nghiên cứu thị trường	3	7
4	QTNL03	Quản trị nguồn nhân lực	3	6
5	KTKD07	An toàn và bảo mật thương mại điện tử	3	6
6	KTKD05	Chuyển đổi số	3	7
7	TCCN01	Công nghệ tài chính	3	7
8	QTCU04	Quản trị chuỗi cung ứng	3	6
9	QTEO01	Quản trị tổ chức sự kiện	3	7
10. Thực tập và Khoá luận tốt nghiệp (hoặc thi tốt nghiệp)			10	
1	TTTN01	Thực tập tốt nghiệp	4	8
2	KLTN01	Khóa luận tốt nghiệp (2 hướng lựa chọn cho sinh viên) + Định hướng nghiên cứu (nghiên cứu lý thuyết và vận dụng thực tiễn) + Định hướng ứng dụng (tạo các sản phẩm ứng dụng công nghệ)	6	8
TỔNG			129	

Ghi chú: (*) Học phần không tính điểm, không tính vào tổng số tín chỉ của CTĐT.

12. Đối sánh CTĐT khác

STT	Mã học phần	Tên học phần	CT1	CT2	CT3
1	THCN06	Chủ nghĩa xã hội khoa học	x		
2	THKT05	Kinh tế Chính trị Mác - Lênin	x		
3	THML04	Triết học Mác - Lênin	x		
4	THTT02	Tư tưởng Hồ Chí Minh	x		

5	THLS07	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	x		
6	KHMI01	Kinh tế vi mô 1	x	x	
7	KHMA02	Kinh tế vĩ mô 1	x	x	
8	TOCC07	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	x	x	
9	TOLT01	Toán cao cấp	x	x	
10	LUĐC01	Pháp luật đại cương	x		
11	PPNC09	Phương pháp NCKH	x	x	
12	TACB01	Tiếng Anh cơ bản 1			
13	TACB02	Tiếng Anh cơ bản 2			
14	TACB03	Tiếng Anh cơ bản 3			
15	TACB04	Tiếng Anh cơ bản 4	x		
16	TOĐC06	Tin học đại cương	x		
17	KTKD01	Lập trình căn bản	x	x	x
18	QTMA04	Marketing căn bản			x
19	TOKT05	Kinh tế lượng			x
20	TODL01	Dữ liệu lớn trong kinh tế và kinh doanh	x		
21	TCTT23	Lý thuyết Tài chính tiền tệ			
22	TCKT01	Nguyên lý kế toán		x	x
23	ĐNQT09	Kinh tế quốc tế	x		
24	QTHO06	Quản trị học	x		
25	QTCC01	Quan hệ công chúng	x		
26	CSCS11	Chính sách công			
27	KHĐT05	Kinh tế đầu tư			
28	LUKT01	Pháp luật kinh tế	x		
29	ĐNTM08	Thương mại quốc tế	x		
30	TCDN03	Tài chính doanh nghiệp	x		
31	PTDL04	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	x		x
32	KTKD03	Lý thuyết Kinh tế số	x	x	
33	KTKD02	Hệ thống thông tin quản lý	x	x	x
34	QTTT11	Nghiên cứu thị trường			x
35	QTKD14	Thương mại điện tử	x		x
36	QLCD01	Chuyên đề thực tế	x		
37	TCKK25	Thị trường chứng khoán	x		
38	KTKD20	Phân tích dữ liệu marketing		x	
39	QTKS07	Khởi nghiệp Đổi mới sáng tạo		x	x
40	TCPT08	Phân tích báo cáo tài chính			x
41	QTMA09	Quản trị Marketing	x		x
42	KTKD07	Mạng máy tính và truyền thông số	x		
43	TCKH04	Kế toán tài chính		x	x
44	KTKD04	Thiết kế website TMĐT	x		x

45	KTKD05	Chuyển đổi số		x	x
46	KTKD06	Các mô hình kinh doanh số	x	x	x
47	KTKD17	An toàn và bảo mật thương mại điện tử	x	x	x
48	QTDM01	Digital Marketing	x		
49	TCCN01	Công nghệ tài chính		x	
50	LUKT18	Luật thương mại	x	x	
51	CSKH01	Khoa học quản lý		x	x
52	KTKD12	Truyền thông đa phương tiện	x		x
53	QTNL03	Quản trị nguồn nhân lực			x
54	QTEO01	Quản trị tổ chức sự kiện	x		x
55	QTCU04	Quản trị chuỗi cung ứng		x	
56	PTDL15	Ứng dụng CNTT trong kinh doanh			x
57	TTTN01	Thực tập tốt nghiệp	x	x	x
58	KLTN01	Khóa luận tốt nghiệp	x	x	x

Ghi chú

CT1: Trường Đại học Kinh tế Quốc dân - CTĐT cử nhân ngành Kinh doanh số (*dạy bằng tiếng Anh*)

CT2: NORD University (Na Uy) – CTĐT Cử nhân Kinh tế số và quản lý

CT3: Bruney Darusalam University – CTĐT Cử nhân Kinh tế số

13. Hướng dẫn thực hiện

- Kế hoạch đào tạo chuẩn của chương trình đào tạo là 04 năm, mỗi năm có 02 học kỳ chính, phương thức tổ chức đào tạo theo tín chỉ.

- Căn cứ kế hoạch đào tạo chuẩn, Học viện đăng ký mặc định thời khóa biểu từng học kỳ chính cho sinh viên, trừ học kỳ đầu tiên các học kỳ kế tiếp sinh viên được điều chỉnh đăng ký số tín chỉ/học phần tăng lên hoặc giảm đi theo quy định.

- Sinh viên có thể học vượt để tốt nghiệp sớm so với kế hoạch đào tạo chuẩn hoặc tốt nghiệp muộn nhưng không quá thời gian đào tạo tối đa theo quy định.

- Khi sinh viên hoàn thành trình độ năm thứ nhất, nếu đạt các điều kiện theo yêu cầu của Quy định sinh viên đại học hệ chính quy học cùng lúc hai chương trình đào tạo tại Học viện Chính sách và Phát triển sinh viên có thể được đăng ký học cùng lúc hai chương trình vào bất kỳ chương trình/ngành của Học viện.

- Khối lượng kiến thức, phương pháp dạy và học, cách đánh giá học phần, nội dung cần đạt được chuẩn đầu ra (CLO) của từng học phần được mô tả, quy định trong đề cương chi tiết mỗi học phần.

LÃNH ĐẠO KHOA

GIÁM ĐỐC

TS. Đàm Thanh Tú

PGS, TS. Trần Trọng Nguyên